

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hưng Quang.
- Ông Nguyễn Thông Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đặng Công Đ**, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuy Phong, chi nhánh tỉnh Bình Thuận (Có mặt)

Địa chỉ: Đường 17/4 thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T1, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị T có làm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 20/10/2015 để vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuy Phong, mục đích sắm lưới làm biển. Ngày 28/10/2015, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuy Phong đã giải ngân cho bà T vay số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất: 0,6875%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay: 36 tháng, kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/10/2018, số tiền trả nợ: 8.300.000 đồng/lần, số tiền trả nợ kỳ cuối: 8.400.000 đồng.

Từ khi nhận được tiền đến nay bà T chỉ trả được tổng số tiền lãi là 462.895 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng). Nay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 46.660.101 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm lẻ một đồng) gồm:

+ Tiền gốc: 25.000.000 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn trên nợ gốc: 5.594.639 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn trên nợ gốc tính đến ngày 30/9/2024: 16.065.462 đồng.

- Và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 01/10/2024 cho đến khi bà T trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, bản photo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn Nguyễn Thị T không có mặt tại tòa để trình bày ý kiến.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị T trả số tiền vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo, các bên ký kết hợp đồng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Bị đơn cư trú tại Khu phố T1, thị trấn P, huyện Tuy Phong. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị T: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam về việc buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 46.660.101 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm lẻ một đồng) tính đến ngày 30/9/2024:

[3.1] Về hiệu lực của hợp đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 20/10/2015 của bà Nguyễn Thị T về việc đề nghị vay số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) thì ngày 28/10/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuy Phong đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền trên với lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 8.300.000 đồng/lần, số tiền trả nợ kỳ cuối 8.400.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/10/2018.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nêu trên là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận về phương thức trả nợ, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch... Do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.2] Theo các tài liệu chứng cứ do bên nguyên đơn cung cấp và trình bày thì ngày 28/10/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuy Phong đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã trả được tổng số tiền lãi là 462.895 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ do bên nguyên đơn cung cấp cho bị đơn Nguyễn Thị T, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bên nguyên đơn đưa ra.

Do vậy có đủ cơ sở để xác định bị đơn Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và hiện còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

[3.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị T phải trả lãi trong hạn là 5.594.639 đồng, lãi quá hạn trên nợ gốc tính đến ngày 30/9/2024 là 16.065.462 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi bà T trả hết nợ là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 46.660.101 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm lẻ một đồng) gồm:

- + Tiền gốc: 25.000.000 đồng.
- + Tiền lãi trong hạn trên nợ gốc: 5.594.639 đồng.
- + Tiền lãi quá hạn trên nợ gốc tính đến ngày 30/9/2024: 16.065.462 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (01/10/2024) bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 468, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

- khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 46.660.101 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm lẻ một đồng) gồm:

+ Tiền gốc: 25.000.000 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn trên nợ gốc: 5.594.639 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn trên nợ gốc tính đến ngày 30/9/2024: 16.065.462 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (01/10/2024) bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.333.000 đồng (hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuy Phong;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Vũ